

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Công trình: Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ đường Trần Thị Kỷ
đến đường Võ Trứ, khu phố Công Chánh
Địa điểm xây dựng: thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/06/2023;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 66/2021/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định phân cấp và phân công trách nhiệm thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 12202/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt danh mục, kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2024 thuộc các nguồn vốn được phân cấp cho huyện và nguồn vốn huyện quản lý;

Căn cứ Quyết định số 8587/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư công trình: Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ đường Trần Thị Kỷ đến đường Võ Trứ, khu phố Công Chánh;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 04/01/2024 của UBND thị trấn Tuy Phước về việc phê chuẩn bảng điều chỉnh, bổ sung danh mục Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2024 của UBND thị trấn Tuy Phước;

Căn cứ Hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ đường Trần Thị Kỷ đến đường Võ Trứ, khu phố Công Chánh do Công ty TNHH TVĐT xây dựng Hoàng Anh và Công ty TNHH TVXD Tân Danh lập, được Công ty TNHH Kỹ thuật Thiên Kim thẩm tra tại Văn bản số 09/BCTT-TKDT ngày 02/08/2023 và Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện thẩm định tại Văn bản số 134/PKT&HT-KQTD ngày 26/09/2023;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND thị trấn Tuy Phước tại Tờ trình số 06/TTr-UBND ngày 12/01/2024 và của Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Báo cáo số 43/BC-PTCKH ngày 05/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ đường Trần Thị Kỳ đến đường Võ Trứ, khu phố Công Chánh, với các nội dung như sau:

1. Tên công trình: Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ đường Trần Thị Kỳ đến đường Võ Trứ, khu phố Công Chánh.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước.

3. Chủ đầu tư: UBND thị trấn Tuy Phước.

4. Mục tiêu và quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu đầu tư: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông hàng hoá và đi lại của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng:

4.2.1. Hạng mục: Nền, mặt đường

- Chiều dài xây dựng: $L=380,0m$.

- Bề rộng nền: $7,40m$.

- Bề rộng mặt: $5,50m$.

- Lê đường hai bên: $2 \times 0,95 = 1,90m$ (đủ để bố trí rãnh thoát nước 2 bên và đường cấp nước sinh hoạt).

- Độ dốc ngang mặt đường: $2,00\%$.

- Độ dốc ngang lê đường: $4,00\%$.

- Độ dốc dọc tối đa: $0,15\%$.

- Kết cấu nền đường:

+ Đào phá đoạn BTXM 2 đầu tuyến để đầu nối.

+ Đào đất hữu cơ dọc tuyến.

+ Đào dọn phần đất, xà bần hai bên mặt BTXM hiện có (nền nhà dân) để thay lớp đất cấp 3 lu lên K95.

+ Đắp đất cấp 3 đầm chặt K95 đoạn qua ruộng và bù vênh mặt đường hiện có để tạo độ dốc thoát nước.

+ Lu lên lớp trên cùng dày $30cm$ K98.

- Kết cấu mặt đường: BTXM M300 đá 2×4 dày $20cm$, đáy móng lót bạt nhựa (dùng xi măng hỗ trợ).

- Kết cấu lê đường: Đắp đất cấp 3 đầm chặt K95 đoạn ngoài rãnh gia cố giáp nhà dân.

- Mái taluy đắp 1/1.50: Mái trồng cỏ kết hợp gia cố mái bằng bê tông M200 đá 1x2 dày 15cm, chân khay M200 đá 2x4.

- Lắp đặt 02 biển báo an toàn giao thông, kết cấu: Bằng thép và bê tông cốt thép theo QCVN 41:2019.

4.2.2. Hạng mục: Hệ thống thoát nước

- Hệ thống thoát nước ngang: Phá dỡ 01 cống tròn BTCT ly tâm đk80cm thoát nước ngang đường hiện có (do xuống cấp). Xây dựng mới 02 cống hộp 0.75x0.75m. Kết cấu chân khay, sân, tường đầu hồi đổ bê tông M200 đá 2x4, cống hộp bằng BTCT lắp ghép M300 đá 1x2. Xây dựng các hố thu nước kết cấu BTCT M250, đá 1x2. Nắp hố lợp song chắn rác bằng gang (tải trọng 25 tấn).

- Hệ thống thoát nước dọc: Xây dựng hệ thống thoát nước dọc hai bên tuyến, khẩu độ 40x70cm. Kết cấu bằng bê tông cốt thép M200 đá 1x2, nắp đậy đan BTCT M250 đá 1x2 dày 15cm.

4.2.3. Hạng mục: Di dời tuyến ống cấp nước

- Xây dựng mới hệ thống cấp nước chạy dọc theo hai bên tuyến đường bằng ống HDPE.

4.2.4. Hạng mục: Di dời hệ thống điện

a. Chiều dài tuyến lưới điện hiện trạng:

- Di dời đường dây 0,4kV Lt = 380m.
- Di dời đường dây chiếu sáng Lt=380m.

b. Hiện trạng phạm vi lưới điện di dời:

Đường dây 0,4kV TBA Trần Thị Kỷ:

- Điểm đầu: C201/7/3/TP2/H.
- Điểm cuối: C201/7/5/TP2/H.
- Cột: BTLT 8,4m: 04 cột (Vị trí C201/7/3/TP2/H: 01 cột; C201/7/4/TP2/H: 01 cột; C201/7/5/TP2/H: 02 cột).

- Cách điện: Phụ kiện hãm ngừng cáp PA; phụ kiện treo cáp PS.

- Xà: Cùm lắp PA, Boulon móc BQC-16x250.

- Hộp công tơ khách hàng: Hộp 4 công tơ 1 pha, Hộp 1 công tơ 1 pha.

- Dây dẫn: Cáp nhôm vặn xoắn ABC 4x95mm², chiều dài tuyến: 199m.

Đường dây 0.4kV TBA Công Chánh:

- Điểm đầu: C113/TP4.
- Điểm cuối: C113/5/TP4.
- Cột: BTLT 8,4m: 05 cột (Vị trí C113/1/TP4: 01 cột; C113/2/TP4: 01 cột; C113/3/TP4: 01 cột; C113/4/TP4: 01 cột; C113/5/TP4: 01 cột).
- Cách điện: Phụ kiện hãm ngừng cáp PA; phụ kiện treo cáp PS.

- Xà: Cùm lắp PA, Boulon móc BQC-16x250.
- Hộp công tơ khách hàng: Hộp 4 công tơ 1 pha, Hộp 1 công tơ 1 pha.
- Dây dẫn:
 - + Cáp nhôm vặn xoắn ABC 4x50mm², chiều dài tuyến: 89m.
 - + Cáp nhôm vặn xoắn ABC 4x95mm², chiều dài tuyến: 92m.

c. Nội dung thực hiện:

*** Đường dây 0,4kV TBA Trần Thị Kỹ:**

Nội dung làm mới:

- Điểm đầu: C201/7/3/TP2/H.
- Điểm cuối: C201/7/5/TP2/H.
- Thay cột vị trí: Vị trí C201/7/3/TP2/H: 02 cột; C201/7/4/TP2/H: 01 cột; C201/7/5/TP2/H: 02 cột.
- Lắp chụp đầu cột vị trí C201/7/1/TP2/H để đảm bảo khoảng cách pha - đất khi nâng cấp mở rộng mặt đường.
- Móng cột điện: Sử dụng móng bê tông cốt thép giắt cấp, phù hợp với địa hình đất trên khu vực, độ chôn sâu đảm bảo theo qui định.
- Cột điện: Dùng loại cột BTLT 10m (TCVN 5847:2016) đảm bảo kết cấu lực đầu cột, có chiều cao khi lắp đặt dây dẫn đảm bảo khoảng cách pha đất.
- Nối đất: Các chi tiết tiếp đất phải được mạ kẽm nhúng nóng, bề dày lớp mạ đảm bảo $\delta > 80\mu\text{m}$. Trị số điện trở nối đất đảm bảo theo quy định hiện hành.
- Cách điện: Sử dụng phụ kiện ngừng hãm cáp PA, treo cáp PS phù hợp với tiết diện dây dẫn.
- Xà: Cùm lắp PA sử dụng thép hình mạ kẽm nhúng nóng (đảm bảo bề dày lớp mạ 80 μm).
- Di dời, đấu nối hộp công tơ cấp điện khách hàng: Sử dụng kẹp răng cách điện phù hợp tiết diện dây dẫn.
- Dây dẫn: Bổ sung cáp nhôm vặn xoắn ABC 4x95mm² và ống nối dây khi kéo sang dây bị thiếu.

Nội dung sử dụng lại:

- Giữ nguyên vị trí cột C201/7/1/TP2/H; C201/7/2/TP2/H.
- Dây dẫn: Cáp nhôm vặn xoắn ABC 4x95mm², chiều dài tuyến: 77m.
- Hộp công tơ khách hàng: Hộp 4 công tơ 1 pha, hộp 1 công tơ 1 pha.

Nội dung thu hồi:

- Cột BTLT 8,4m: 04 cột (Vị trí C201/7/3/TP2/H: 01 cột; C201/7/4/TP2/H: 01 cột; C201/7/5/TP2/H: 02 cột).

- Cùm lắp PA-1: 02 bộ (vị trí: C201/7/1/TP2/H; C201/7/4/TP2/H); PA-2D: 02 bộ (C201/7/3/TP2/H; C201/7/5/TP2/H).

*** Đường dây 0,4kV TBA Công Chánh**

Nội dung làm mới:

- Điểm đầu: C113/TP4.
- Điểm cuối: C113/5/TP4.
- Thay cột các vị trí: C113/1/TP4: 02 cột; C113/2/TP4: 01 cột; C113/3/TP4: 02 cột; C113/4/TP4: 01 cột; C113/5/TP4: 01 cột.
- Móng cột điện: Sử dụng móng bê tông cốt thép giắt cấp, phù hợp với địa hình đất trên khu vực, độ chôn sâu đảm bảo theo qui định.
- Cột điện: Dùng loại cột BTLT 10m (TCVN 5847:2016) đảm bảo kết cấu lực đầu cột, có chiều cao khi lắp đặt dây dẫn đảm bảo khoảng cách pha đất.
- Nối đất: Các chi tiết tiếp đất phải được mạ kẽm nhúng nóng, bề dày lớp mạ đảm bảo $\delta > 80\mu\text{m}$. Trị số điện trở nối đất đảm bảo theo quy định hiện hành.
- Cách điện: Sử dụng phụ kiện ngừng hãm cáp PA, treo cáp PS phù hợp với tiết diện dây dẫn.
- Xà: Cùm lắp PA sử dụng thép hình mạ kẽm nhúng nóng (đảm bảo bề dày lớp mạ $\delta > 80\mu\text{m}$).
- Di dời, đấu nối hộp công tơ cấp điện khách hàng: Sử dụng kẹp răng cách điện phù hợp tiết diện dây dẫn.
- Đấu nối nhánh rẽ tại vị trí C113/TP4 bằng kẹp răng cách điện phù hợp tiết diện dây dẫn mỗi pha: 02 cái.
- Dây dẫn: Bổ sung cáp nhôm vặn xoắn ABC 4x95mm² và ống nối dây khi kéo sang dây bị thiếu.

Nội dung sử dụng lại:

- Dây dẫn:
 - + Cáp nhôm vặn xoắn ABC 4x50mm², chiều dài tuyến: 92m.
 - + Cáp nhôm vặn xoắn ABC 4x95mm², chiều dài tuyến: 89m.
- Hộp công tơ khách hàng: Hộp 4 công tơ 1 pha, Hộp 1 công tơ 1 pha.

Nội dung thu hồi:

- Cột: BTLT 8,4m: 05 cột (Vị trí C113/1/TP4: 01 cột; C113/2/TP4: 01 cột; C113/3/TP4: 01 cột; C113/4/TP4: 01 cột; C113/5/TP4: 01 cột; BTLT 10,5m: 01 cột C113/4/TP4)
- Cùm lắp PA-1: 03 bộ (Vị trí: C113/1/TP4; C113/2/TP4 và C113/3/TP4)
- Dây dẫn:
 - + Cáp nhôm vặn xoắn ABC 4x50mm², chiều dài tuyến: 89m.

+ Cáp nhôm vặn xoắn ABC 4x95mm², chiều dài tuyến: 92m.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, khảo sát xây dựng: Công ty TNHH TVĐT xây dựng Hoàng Anh và Công ty TNHH TVXD Tân Danh.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm xây dựng: Thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước.
- Diện tích đất sử dụng: Theo hồ sơ thiết kế.

7. Loại, nhóm dự án:

- Công trình giao thông, nhóm C.
- Cấp công trình chính: cấp IV.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: Thiết kế 01 bước.
- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Công ty TNHH TVĐT xây dựng Hoàng Anh và Công ty TNHH TVXD Tân Danh lập, được Công ty TNHH Kỹ thuật Thiên Kim thẩm tra tại Văn bản số 09/BCTT-TKDT ngày 02/08/2023 và Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện thẩm định tại Văn bản số 134/PKT&HT-KQTD ngày 26/09/2023.

9. Tổng mức đầu tư: 6.386.433.000 đồng.

(Bằng chữ: Sáu tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 2.730.286.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 79.673.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 224.077.000 đồng;
- Chi phí khác: 39.921.000 đồng;
- Chi phí GPMB: 3.000.000.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 186.013.000 đồng;
- Chi phí xi măng tỉnh hỗ trợ: 126.463.000 đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022-2024.

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách huyện hỗ trợ 50% giá trị xây lắp, phần còn lại ngân sách thị trấn Tuy Phước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án đảm bảo đúng theo quy định.

13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: do Ban Quản lý dự án ĐTXD & PTQĐ huyện phối hợp với UBND thị trấn Tuy Phước tổ chức thực hiện.

14. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Theo Luật Đấu thầu & các quy định hiện hành.

15. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

S T T	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT	9.231.000	NSNN	Chỉ định thầu rút gọn	Thương thảo HĐ	Quý I/2024	Trọn gói	35 ngày
2	Thẩm định E- HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu	2.596.000	NSNN	Chỉ định thầu rút gọn	Thương thảo HĐ	Quý I/2024	Trọn gói	25 ngày
2	Tư vấn giám sát thi công	88.212.000	NSNN	Chỉ định thầu rút gọn	Thương thảo HĐ	Quý I/2024	Trọn gói	180 ngày
3	Toàn bộ khối lượng xây lắp	2.730.286.000	NSNN	Chào hàng cạnh tranh qua mạng	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	Quý I/2024	Trọn gói	180 ngày
Tổng cộng: 2.830.325.000 đồng								

Điều 2. Quyết định này làm cơ sở để thực hiện dự án và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Giao Chủ tịch UBND thị trấn Tuy Phước có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn tất các thủ tục còn lại theo quy định để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng phòng Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch UBND thị trấn Tuy Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Xuân